TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13/03/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngát, ông Phạm Xuân Hùng
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khaivụ án dân sự thụ lý số 378/2025/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số căn cước: 024088016808.

- *Bị đơn:*chị Leo Thị H, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Số căn cước: 024190011375.

Cùng nơi cư trú: Thôn K, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Văn D1 bày:*Anh và chị Leo Thị H kết hôn với nhau năm 2009, trước khi kết hôn, anh và chị H có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới, chị H về chung sống với anh ngay tại thôn K, xã L. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2022, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xảy ra cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết

quả, anh và chị H đã sống ly thân với chị từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Leo Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí Q, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Thị Như U, sinh ngày 28/01/2024, hiện cháu đang sống cùng chị H, Ly hôn, anh có nguyện vọng để chị H nuôi dưỡng cháu Q, anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu U. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Leo Thị H: Tòa án đã đến tận gia đình chị Leo Thị H để giao, tống đạt các văn bản tố tụng để chị H được biết việc anh Nguyễn Văn D khởi kiện ly hôn nhưng chị H không đến Toà án làm việc. Toà án không thu thập được lời khai của chị Leo Thị H.

Tại biên bản ghi lời khai cháu Nguyễn Chí Q trình bày: Cháu xác định mẹ cháu vẫn ở cùng cháu, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu nên cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Leo Thị H.

Tại biên bản làm việc ngày 25/12/2025, bà Phương Thị L là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn D trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn D, năm 2009, gia đình bà tổ chức cưới cho chị H và anh Nguyễn Văn D, trước khi kết hôn, chị H và anh D có được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới, chị H về chung sống với anh D ngay, vợ chồng chị H sống cùng với vợ chồng bà, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D do anh D đi làm xa từ năm 2024 đến nay không quan tâm gì đến gia đình, chị H vẫn sinh sống cùng bà, chăm sóc cho gia đình con cái đầy đủ.

Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung cháu Nguyễn Chí Q, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Thị Như U, sinh ngày 28/01/2024. Nếu chị H và anh D ly hôn, bà đề nghị giao cả hai con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa chị H và anh D không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung.

Hiện nay, chị H đi làm công nhân, sáng đi làm, tối muộn về nhà. Bà có nói với chị H về việc anh D đề nghị Tòa án ly hôn cho chị H biết, chị H có nói với bà về nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Các văn bản tố tụng bà đã nhận thay chị H và đã giao lại đầy đủ cho chị H.

Tại phiên tòa. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sử đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tung dân sự; Điều 6, Điều 26; 27Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

1. Cho anh Nguyễn Văn D và chị Leo Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Leo Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Chí Q, sinh ngày 12/01/2011 cháu Nguyễn Thị Như U, sinh ngày 28/01/2024 cho đến khi cháu Q, cháu U trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Nguyễn Văn D được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát Khu vực 5 – Bắc Ninh phát biểu về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D vắng mặt những đã có đơn xin vắng mặt, chị Leo Thị H vắng mặt lần thứ hai không có ý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với bị đơn Leo Thị H, sinh năm 1990 (Trú tại: Thôn K, xã L, tỉnh Bắc Ninh). Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sử đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tung dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy.

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Leo Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh) ngày 13/7/2009. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H1 hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh D, Hội đồng xét xử thấy: Anh D xác định vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 đến nay không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến nhau nên anh Dươngđề N Tòa án giải quyết ly hôn với chị H. Chị H được gia đình thông báo việc anh D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng chị H, Tòa án đã thông báo cho chị H đến Tòa án làm việc , hòa giải nhưng chị H không đến Tòa án làm việc điều đó tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, cho anh D được ly hôn chị H là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Anh D và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí Q, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Thị Như U, sinh ngày 28/01/2024. Anh D có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu U, Thông qua lời lời trình bày của bà L là mẹ chồng chị H trình bày chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con. Hội đồng xét xử xét thấy các bên đều đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, nguyện vọng nuôi con của anh D và chị H là chính đáng. Tuy nhiên cháu U chưa đủ 03 tuổi, cháu Q có nguyện vọng được ở với chị H, để đảm bảo cho các cháu phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần cần giao cho chị H trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung Nguyễn Chí Q và Nguyễn Thị Như U là phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn D là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sựvà Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sử đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tung dân sự ; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều

57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

1. Cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn với chị Leo Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Leo Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Chí Q, sinh ngày 12/01/2011 cháu Nguyễn Thị Như U, sinh ngày 28/01/2024 cho đến khi cháu Q, cháu U trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Nguyễn Văn D được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003905 ngày 25/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh. Xác nhận anh D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Hiếu